

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI**

Số: 718/NQ-UBTVQH13

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**BAN HÀNH KẾ HOẠCH TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG
HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 64/2013/QH13 của Quốc hội quy định một số điểm thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Theo đề nghị của Ủy ban pháp luật tại Tờ trình số 2191/TTr-UBPL13 ngày 23 tháng 12 năm 2013 về Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1

Ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2

Các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và địa phương có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Chủ tịch nước, Chính phủ; TANDTC, VKSNDTC;
- HĐDT, UB của QH, Ban, Viện của UBTVQH; Kiểm toán nhà nước;
- UBTW MTTQVN;
- Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- VPTW, VPQH, VPCTN, VPCP;
- Tỉnh ủy, thành ủy; HĐND, UBND tỉnh, TP. trực thuộc

Nguyễn Sinh Hùng

TW.
- Lưu: HC, PL.
e - PAS: 600

KẾ HOẠCH

TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 ngày 02/01/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội)

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 28 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 (sau đây gọi chung là Hiến pháp). Để tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, căn cứ Nghị quyết số 64/2013/QH13 của Quốc hội quy định một số điểm thi hành Hiến pháp, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp với các nội dung sau đây:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, chiến sĩ lực lượng vũ trang nhân dân và người Việt Nam ở nước ngoài về Hiến pháp, ý thức trách nhiệm trong việc chấp hành và bảo vệ Hiến pháp, pháp luật.
- Xác định trách nhiệm của các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và địa phương trong việc tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp.
- Bảo đảm các quy định của Hiến pháp được tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo động lực thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp.
- Việc tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp phải được tiến hành kịp thời, đồng bộ, toàn diện, thống nhất, hiệu quả và tiết kiệm.
- Xác định cụ thể các nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp.

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI THI HÀNH HIẾN PHÁP

1. Tuyên truyền, phổ biến Hiến pháp

1.1. Tổ chức Hội nghị toàn quốc triển khai thi hành Hiến pháp

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Cơ quan phối hợp: Chính phủ, Ban Tuyên giáo Trung ương.
- Hình thức tổ chức: Hội nghị trực tuyến và truyền hình trực tiếp.
- Thời gian thực hiện: Buổi sáng ngày 08 tháng 01 năm 2014.

1.2. Tổ chức Hội nghị toàn quốc tập huấn báo cáo viên, tuyên truyền viên về Hiến pháp.

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ.
- Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp, Ban Tuyên giáo Trung ương.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban pháp luật.
- Thời gian thực hiện: Từ 16 - 30 tháng 01 năm 2014.

1.3. Tổ chức tuyên truyền, giới thiệu, phổ biến nội dung, ý nghĩa của Hiến pháp

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ.
- Cơ quan thực hiện: Bộ Tư pháp, Bộ Thông tin và Truyền thông, các viện nghiên cứu, trường đại học, các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương.
- Thời gian thực hiện: Năm 2014 và các năm tiếp theo.

1.4. Tổ chức rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung, cập nhật các quy định mới của Hiến pháp để có kế hoạch biên soạn lại sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu nghiên cứu, giảng dạy về Hiến pháp

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ.
- Cơ quan thực hiện: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tư pháp, các viện nghiên cứu, trường đại học, học viện và các cơ sở giáo dục và đào tạo khác có liên quan đến nghiên cứu, giảng dạy về Hiến pháp và pháp luật.
- Thời gian thực hiện: Năm 2014 và các năm tiếp theo.

1.5. Việc phổ biến, tuyên truyền Hiến pháp phục vụ công tác đối ngoại

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: Bộ Ngoại giao, Ban Đối ngoại Trung ương, Ủy ban đối ngoại, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên hiệp các hội hữu nghị Việt Nam, cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình ở trung ương.

- Thời gian thực hiện: Năm 2014 và các năm tiếp theo.

2. Rà soát, sửa đổi, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản pháp luật phù hợp với Hiến pháp

2.1. Yêu cầu của việc rà soát văn bản pháp luật

- Rà soát toàn diện, đồng bộ các văn bản pháp luật do các cơ quan ở trung ương và địa phương ban hành để phát hiện những quy định trái Hiến pháp phải bị dừng thi hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới văn bản pháp luật để cụ thể hóa những quy định mới của Hiến pháp.

- Ưu tiên sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế khác trong hệ thống chính trị, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Lập danh mục xác định lộ trình hoàn thiện hệ thống pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường, bảo vệ Tổ quốc, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

2.2. Các văn bản pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế trong hệ thống chính trị

a) Các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và bầu cử.

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Cơ quan thực hiện: Hội đồng dân tộc, Ủy ban pháp luật, các Ủy ban khác của Quốc hội, các cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội.

- Cơ quan phối hợp: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ.

- Thời gian thực hiện: trình Quốc hội thông qua chậm nhất vào kỳ họp thứ 9 (tháng 5 năm 2015).

b) Các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Chủ tịch nước.

- Cơ quan chủ trì: Chủ tịch nước.

- Cơ quan thực hiện: Văn phòng Chủ tịch nước.

- Cơ quan phối hợp: Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan.

- Thời gian thực hiện: trình Quốc hội thông qua chậm nhất vào kỳ họp thứ 10 (tháng 10 năm 2015).

c) Các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của Chính phủ và chính quyền địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: do Chính phủ giao.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban pháp luật và các cơ quan hữu quan.

- Thời gian thực hiện: trình Quốc hội thông qua chậm nhất vào kỳ họp thứ 10 (tháng 10 năm 2015).

d) Các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân

- Cơ quan chủ trì: Tòa án nhân dân tối cao.

- Cơ quan phối hợp: Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban tư pháp, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các cơ quan hữu quan.

- Thời gian thực hiện: trình Quốc hội thông qua chậm nhất vào kỳ họp thứ 9 (tháng 5 năm 2015).

đ) Các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân.

- Cơ quan chủ trì: Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Cơ quan phối hợp: Tòa án nhân dân tối cao, Ủy ban tư pháp, Ủy ban pháp luật, Bộ Tư pháp, Bộ Công an và các cơ quan hữu quan.

- Thời gian thực hiện: trình Quốc hội thông qua chậm nhất vào kỳ họp thứ 9 (tháng 5 năm 2015).

e) Các văn bản pháp luật về tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nhà nước.

- Cơ quan chủ trì: Kiểm toán nhà nước

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban tài chính, ngân sách, Ủy ban kinh tế, Ủy ban pháp luật, Bộ Tài chính và các cơ quan hữu quan.

- Thời gian thực hiện: trình Quốc hội thông qua chậm nhất vào kỳ họp thứ 9 (tháng 5 năm 2015).

g) Văn bản về tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban pháp luật, Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và các cơ quan hữu quan.

- Thời gian thực hiện: trình Quốc hội thông qua chậm nhất vào kỳ họp thứ 7 (tháng 5 năm 2014).

2.3. Các văn bản pháp luật về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

- Cơ quan thực hiện: Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức hữu quan.

- Cơ quan phối hợp: Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2014 và các năm tiếp theo.

2.4. Các văn bản pháp luật về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức hữu quan.

- Cơ quan phối hợp: Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2014 và các năm tiếp theo.

2.5. Các văn bản pháp luật về bảo vệ Tổ quốc

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: do Chính phủ giao.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban quốc phòng và an ninh, các Ủy ban có liên quan của Quốc hội.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2014 và các năm tiếp theo.

2.6. Các văn bản pháp luật về đối ngoại và hợp tác quốc tế

- Cơ quan chủ trì: Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: do Chính phủ giao.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban đối ngoại, các Ủy ban có liên quan của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Thời gian thực hiện: Từ năm 2014 và các năm tiếp theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Nghị quyết số 64/2013/QH13 của Quốc hội và Kế hoạch này, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức khác ở trung ương và địa phương khẩn trương triển khai thi hành Hiến pháp.

2. Căn cứ Nghị quyết số 64/2013/QH13 của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội chỉ đạo giám sát việc thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm Chính phủ báo cáo Quốc hội về kết quả triển khai thi hành Hiến pháp.

3. Kinh phí tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp được bảo đảm trong kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan, tổ chức theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(Kèm theo Kế hoạch này là Dự kiến tiến độ trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua các dự án luật, pháp lệnh).

DỰ KIẾN TIẾN ĐỘ TRÌNH QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI XEM XÉT, THÔNG QUA CÁC DỰ ÁN LUẬT, PHÁP LỆNH

(Ban hành kèm theo Kế hoạch triển khai thi hành Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Ủy ban thường vụ ban hành theo Nghị quyết số 718/NQ-UBTVQH13 ngày 02/01/2014)

STT	TÊN LĨNH VỰC/DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	TIẾN ĐỘ
I	Tổ chức bộ máy nhà nước và các thiết chế trong hệ thống chính trị		
1	Luật tổ chức Quốc hội (sửa đổi)	Ủy ban thường vụ Quốc hội	10/2014
2	Luật Chủ tịch nước	Chủ tịch nước	5/2015
3	Luật tổ chức Chính phủ (sửa đổi)	Chính phủ	10/2014
4	Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi)	Tòa án nhân dân tối cao	10/2014
5	Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân (sửa đổi)	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	10/2014
6	Luật tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi từ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và	Chính phủ	5/2015

	Ủy ban nhân dân)		
7	Luật Kiểm toán nhà nước (sửa đổi)	Kiểm toán nhà nước	10/2014
8	Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (sửa đổi)	Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	10/2014
9	Luật hoạt động giám sát của Quốc hội (sửa đổi)	Ủy ban thường vụ Quốc hội	5/2015
10	Luật bầu cử đại biểu Quốc hội (sửa đổi) và Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân (sửa đổi)	Ủy ban thường vụ Quốc hội	5/2015
11	Luật giám sát của Hội đồng nhân dân	Chính phủ	2015 - 2016
12	Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi)	Tòa án nhân dân tối cao	2015 - 2016
13	Bộ luật tố tụng hình sự (sửa đổi)	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	2015 - 2016
14	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tố tụng hành chính	Tòa án nhân dân tối cao	2015 - 2016
15	Luật tố tụng lao động	Tòa án nhân dân tối cao	2015 - 2016
16	Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (hợp nhất với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân)	Chính phủ	2014 - 2015
17	Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế (sửa đổi)	Chính phủ	2015 - 2016
18	Luật cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sửa đổi)	Chính phủ	2016 - 2020
19	Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự	Chính phủ	10/2014
20	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự	Chính phủ	10/2014
21	Luật bảo vệ bí mật nhà nước	Chính phủ	2015 - 2016
22	Luật đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt	Chính phủ	2015 - 2016
23	Luật về hàm, cấp ngoại giao	Chính phủ	2016 - 2020
24	Luật về ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế	Chính phủ	2016 - 2020
25	Pháp lệnh đào tạo một số chức danh tư pháp	Chính phủ	10/2014
26	Pháp lệnh trình tự, thủ tục áp dụng các biện	Tòa án nhân dân tối cao	10/2014

	pháp hành chính tại Tòa án nhân dân		
II	Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân		
1	Bộ luật hình sự (sửa đổi)	Chính phủ	2015 - 2016
2	Bộ luật dân sự (sửa đổi)	Chính phủ	2014 - 2015
3	Luật báo chí (sửa đổi)	Chính phủ	2015 - 2016
4	Luật về hội	Chính phủ	2015 - 2016
5	Luật trưng cầu ý dân	Chính phủ	2015 - 2016
6	Luật biểu tình	Chính phủ	2015 - 2016
7	Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi)	Chính phủ	5/2014
8	Luật tiếp cận thông tin	Chính phủ	2015 - 2016
9	Luật tạm giữ, tạm giam	Chính phủ	2015 - 2016
10	Luật bảo đảm trật tự, an toàn xã hội	Chính phủ	2015 - 2016
11	Luật chứng thực	Chính phủ	2015 - 2016
12	Luật hộ tịch	Chính phủ	5/2014
12	Luật truy nã tội phạm	Chính phủ	2015 - 2020
13	Luật an toàn thông tin	Chính phủ	2014 - 2015
14	Luật căn cước công dân	Chính phủ	10/2014
15	Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Chính phủ	2014 - 2016
III	Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường		
1	Luật doanh nghiệp (sửa đổi)	Chính phủ	10/2014
2	Luật ngân sách nhà nước (sửa đổi)	Chính phủ	10/2014
3	Luật quản lý ngoại thương	Chính phủ	2015 - 2020
4	Luật đầu giá tài sản	Chính phủ	2015 - 2020
5	Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh	Chính phủ	10/2014
6	Luật xây dựng (sửa đổi)	Chính phủ	5/2014
7	Luật nhà ở (sửa đổi)	Chính phủ	5/2014
8	Luật kinh doanh bất động sản (sửa đổi)	Chính phủ	10/2014
9	Luật năng lượng nguyên tử	Chính phủ	2015 - 2016
10	Luật đầu tư (sửa đổi)	Chính phủ	10/2014
11	Luật đầu tư công	Chính phủ	5/2014

12	Luật phá sản (sửa đổi)	Tòa án nhân dân tối cao	5/2014
13	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kế toán	Chính phủ	2014 - 2015
14	Luật thống kê (sửa đổi)	Chính phủ	2014 - 2015
15	Luật thú y	Chính phủ	2015 - 2015
16	Luật hải quan (sửa đổi)	Chính phủ	5/2014
17	<i>Các đạo luật về thuế</i>	Chính phủ	2014 - 2020
18	Luật giáo dục (sửa đổi)	Chính phủ	2016 - 2020
19	Luật an toàn, vệ sinh lao động	Chính phủ	2014 - 2015
20	Luật bảo hiểm xã hội (sửa đổi)	Chính phủ	5/2014
21	Luật tiền lương tối thiểu	Chính phủ	2015 - 2016
22	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dạy nghề	Chính phủ	2014 - 2015
23	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế	Chính phủ	5/2014
24	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật dược	Chính phủ	10/2014
25	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam	Chính phủ	10/2014
26	Luật bảo vệ môi trường (sửa đổi)	Chính phủ	2014 - 2015
27	Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo	Chính phủ	2014 - 2015
28	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa	Chính phủ	5/2014
29	Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (sửa đổi)	Chính phủ	2015 - 2016
30	Luật thanh niên (sửa đổi)	Chính phủ	2015 - 2020
31	Luật bình đẳng giới (sửa đổi)	Chính phủ	2016 - 2020
32	Luật dân số	Chính phủ	2015 - 2020
33	Luật hiến máu	Chính phủ	2015
34	Luật du lịch (sửa đổi)	Chính phủ	2015 - 2020
35	Luật thể dục, thể thao (sửa đổi)	Chính phủ	2015 - 2020
36	Luật thủy sản	Chính phủ	2015 - 2020

37	Luật đo đạc và bản đồ	Chính phủ	2015 - 2016
38	Luật khí tượng thủy văn	Chính phủ	2015 - 2016
IV	Bảo vệ Tổ quốc		
1	Luật Công an nhân dân (sửa đổi)	Chính phủ	5/2014
2	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sĩ quan Quân đội nhân dân	Chính phủ	5/2014
3	Luật nghĩa vụ quân sự (sửa đổi)	Chính phủ	2015 - 2016
4	Luật cảnh vệ	Chính phủ	2015 - 2016
5	Luật phòng, chống tội phạm có tổ chức	Chính phủ	2015 - 2020
6	Luật xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam	Chính phủ	5/2014
7	Luật công nghiệp quốc phòng và động viên công nghiệp	Chính phủ	2016 - 2020
8	Luật về tình trạng khẩn cấp	Chính phủ	2016 - 2020
9	Luật tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình thế giới	Chính phủ	10/2014
10	Pháp lệnh cảnh sát môi trường	Chính phủ	2014